TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YS** **TỈNH TQ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **279/**2021/HNGĐ-ST
Ngày 27/9/2021
V/v "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YS, TỈNH TQ
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Quỳnh.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Ngọc và bà Lộc Thị Kim Thơm.

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thảo Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện YS, tỉnh TQ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YS, tỉnh TQ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 27/9/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện YS mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 219/2021/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 7 năm 2021 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25/8/2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Ma Thị T, sinh năm 1997.

* *Bị đơn:* Anh Lương Văn T, sinh năm 1998.

Cùng địa chỉ: Thôn MT, xã MB, huyện YS, tỉnh TQ.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ma Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lương Văn T tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, khi kết hôn có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn ngày 03/3/2014 tại Ủy ban nhân dân xã xã MB, huyện YS, tỉnh TQ. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống chung cùng gia đình nhà anh T. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận bình thường, đến cuối năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân dân tới mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, lối sống. Chị và anh T sống ly thân từ tháng 10/2020 đến nay. Đến nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện YS giải quyết cho chị được ly hôn với Lương Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung, là cháu Lương Thị Ngọc T, sinh ngày 18/4/2015, hiện nay cháu T đang ở với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có tài sản chung; không vay nợ ai cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành gửi giấy triệu tập và niêm yết thông báo thụ lý vụ án và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại địa phương nơi anh T cư trú để anh T đến Tòa án giải quyết vụ án, nhưng anh T đều vắng mặt và cũng không nộp cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Do vậy, Tòa án không tiến hành phiên hòa giải được. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thể hiện: Chị Ma Thị T và anh Lương Văn T là vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 03/3/2014 tại Ủy ban nhân dân xã xã MB, huyện YS, tỉnh TQ. Sau khi được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, vợ chồng chị T, anh T về chung sống với gia đình chồng tại thôn MT, xã MB, huyện YS, tỉnh TQ. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hoà thuận bình thường, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, lối sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, chị T và anh T sống ly thân từ tháng 10/2020 đến nay và không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Quá trình chung sống vợ chồng chị T, anh T có 01 con chung là cháu Lương Thị Ngọc T, sinh ngày 18/4/2015, hiện nay cháu T đang ở với chị T. Về tài sản chung, nợ chung chị T và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung.

Tại phiên tòa, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến như đã trình bày, chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho chị được ly hôn với anh Lương Văn T. Chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Lương Thị Ngọc T và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định, riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định (không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án). Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án: Xử cho chị Ma Thị T được ly hôn với anh Lương Văn T. Về con chung, giao cháu Lương Thị Ngọc T, sinh ngày 18/4/2015 cho chị Ma Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lương Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung, đương sự xác định không có nên không đề nghị xem xét giải quyết. Về án phí, chị Ma Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả làm việc tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**] Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Ma Thị T và anh Lương Văn T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Lương Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn MT, xã MB, huyện YS, tỉnh TQ nên chị Ma Thị T khởi kiện xin ly hôn với anh T là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YS theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác minh với chính quyền địa phương được biết, anh T có hộ khẩu thường trú và hiện đang sống tại thôn MT, xã MB, huyện YS, tỉnh TQ. Địa phương cho biết, anh T có biết việc chị T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn nhưng anh không đến Tòa án để giải quyết. Anh T làm lao động tự do ở xa nhưng thỉnh thoảng vẫn về nhà. Tòa án đã gửi giấy triệu tập và tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại địa phương nơi anh T cư trú để anh T đến Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh T không đến Toà án giải quyết vụ việc, tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải anh T vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không nộp các văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, và các chứng cứ kèm theo. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Lương Văn T.

[**2**] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị T và anh Lương Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, hai vợ chồng chung sống không hòa thuận, thường xuyên cãi chửi nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân của chị T và anh T không hạnh phúc. Chị T và anh T đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa, mỗi người có một cuộc sống riêng nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Mục đích hôn nhân không đạt được.

Quá trình xác minh tại địa phương thể hiện: Chị Ma Thị T và anh Lương Văn T là vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 03/3/2014. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hoà thuận bình thường, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, lối sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, chị T và anh T sống ly thân từ tháng 10/2020 đến nay và không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Như vậy, xét quan hệ hôn nhân của chị T và anh T thấy rằng mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. Xét tình trạng hôn nhân và yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T xử cho chị T được ly hôn với anh T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[**3**] Về con chung: Chị Ma Thị T và anh Lương Văn T có 01 con chung là cháu Lương Thị Ngọc T, sinh ngày 18/4/2015. Hiện nay, cháu T đang ở với chị T. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét điều kiện giao con khi ly hôn thì thấy: Chị T và anh T đều có đủ điều kiện về kinh tế để trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên, anh T đi làm ăn xa, thường xuyên vắng mặt tại địa phương nên không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu T được. Đại diện chính quyền địa phương có ý kiến nên giao cháu T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp. Như vậy, để đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của cháu T, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[**4**] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[**5**] Về án phí: Chị Ma Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Lương Văn T không phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[**6**] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ma Thị T được ly hôn với anh Lương Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Lương Thị Ngọc T, sinh ngày 18/4/2015 cho chị Ma Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh Lương Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Ma Thị T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0004029 ngày 13/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện YS. Chị T đã nộp đủ án phí. Anh Lương Văn T không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Ma Thị T và anh Lương Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện SD;
- Chi cục THADS huyện YS;
- UBND xã MB;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phạm Thị Quỳnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Ngọc - Lộc Thị Kim Thơm **Phạm Thị Quỳnh**

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã Sơn Nam;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phạm Thị Quỳnh